TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/HS-ST
Ngày 28/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Bình

2. Ông Vương Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bế Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 101/2020/TLST- HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2020/QĐXXST- HS ngày 14/9/2020, đối với các bị cáo:

1. **Phạm Đ**; Sinh ngày 05 tháng 8 năm 1998 tại huyện H, tỉnh T;

Nơi cư trú: Thôn B, xã T huyện H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm K và bà Ngô M; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2020, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. **Trần H**; Sinh ngày 07 tháng 8 năm 1998 tại thành phố T;

Nơi cư trú: tổ 17, phường A, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần T và bà Nguyễn B; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* Người làm chứng: Anh Nguyễn D, sinh năm 1987; trú tại tổ 17, phường T, thành phố T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 01/6/2020, Nguyễn D, gọi điện thoại cho Trần Khắc Đ để hỏi mua ma túy (D và Đ cùng là nhân viên lái xe taxi thuộc Công ty M, có địa chỉ tổ 10, phường T, thành phố T). D sử dụng số điện thoại 0988.XXXXX gọi vào số điện thoại 0354*****của Phạm Đ hỏi mua của Đ 03 viên ma túy tổng hợp dạng viên nén, Đ đồng ý và gọi điện thoại cho Trần H hỏi mua ma túy, H đồng ý (số điện thoại của H là 0389.++++). Sau đó H điều khiển xe ô tô taxi BKS 22A- 00000 (H là người lái xe thuê cho anh Nguyễn N, cư trú thôn B, xã A, thành phố T) đến khu vực ngã ba Ch, thuộc xã T, huyện Y, tỉnh T mua của một người phụ nữ (theo H khai tên là Q, không biết họ tên thật, địa chỉ) được 01 túi nilon màu trắng trên mép có đường viền màu đỏ bên trong có 03 viên nén hình tam giác màu hồng, một mặt dập đường kẻ ngang và chữ "MAYBACH", một mặt dập số "300" và các đường kẻ, với số tiền là 1.050.000đồng (giá 350.000đ/viên). Sau khi mua được ma túy, H gọi điện cho Đ hẹn địa điểm để trao đổi mua bán ma túy. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe ô tô đến khu vực đường TR, thuộc tổ 19, phường M, thành phố T để bán lại cho Đ số ma túy trên với số tiền là 1.200.000đồng (giá 400.000đ/viên), H hưởng lợi nhuận số tiền chênh lệch là 150.000 đồng. Sau khi mua được ma túy Đ gọi điện thoại cho D hẹn địa điểm trao đổi mua bán ma túy và điều khiển xe ô tô đến bãi đỗ xe phía trước của Trung tâm thương mại V, thuộc tổ 13, phường P, thành phố T để bán lại ma túy cho D với số tiền là 1.380.000đồng (giá 460.000đ/viên theo thỏa thuận trước đó) để hưởng lợi nhuận số tiền chênh lệch là 180.000đồng; nhưng D không có tiền, nên đã bảo Đ đứng đợi để D đi lấy tiền. Trong lúc Đ đứng đợi để bán ma trúy cho D, thì bị Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Tuyên Quang phối hợp với Công an phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang phát hiện, yêu cầu kiểm tra, Đ đã ném túi nilon bên trong chứa 03 viên ma túy xuống mặt đường nơi Đ đứng, Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Đ hồi 23 giờ cùng ngày và thu giữ, niêm phong 01 túi nilon bên trong chứa 03 viên ma túy do Đ ném xuống mặt đường.

Tại Kết luận giám định số 448/GĐKTHS ngày 03/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Mẫu vật gửi giám định là chất ma túy, loại 2C-B (4-Bromo-2,5-dimethoxyphenethylamine); khối lượng 0,475g (Không phẩy bốn bảy năm gam).

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Đ và H, kết quả: (-) âm tính (không có chất ma túy trong cơ thể của Đ và H).

Tại bản cáo trạng số 101/CT-VKSTP ngày 10 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Phạm Đ và Trần H về tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"* theo khoản 1, Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc tranh luận tại phiên toà, Kiểm sát viên trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đ và Trần H phạm tội Mua bán trái phép chất ma tuý.

Áp dụng khoản 1, Điều 251; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với 02 bị cáo; áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H.

Xử phạt bị cáo Phạm Đ từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 02/6/2020;

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000đồng sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Trần H từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 04/6/2020;

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000đồng sung ngân sách nhà nước.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) phong bì niêm phong, trên các mép dán có chữ ký của bị cáo Phạm Đ, chữ ký của giám định viên và 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có 0,166g ma túy loại 2C-B (4-Bromo-2,5-dimethoxyphenethylamine) là mẫu giám định hoàn lại.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt sau màu đỏ đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0354174830 của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0398070898 của bị cáo H và số tiền 1.200.000 đồng của bị cáo H (Hiện số tiền này đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang).

Áp dụng các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị cáo đều nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên; các bị cáo không trình bày lời bào chữa và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra và truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên toà, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Các bị cáo không thắc mắc, khiếu nại nội dung gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố. Các bị cáo đều khẳng định trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đều tự nguyện và thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên

Quang truy tố các bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma tuý là đúng người, đúng tội, không oan. Các bị cáo đều khai nhận do muốn có thu nhập thêm nên các bị cáo đã thực hiện hành vi mua, bán trái phép chất ma túy. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Phạm Đ và Trần H phạm tội: Mua bán trái phép chất ma tuý. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1, Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, bàn bạc cụ thể. Vì vậy vai trò của bị cáo H và Đ là như nhau. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về phòng chống tệ nạn xã hội, quản lý các chất ma tuý, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương nên cần phải đưa ra xét xử và áp dụng một mức hình phạt tù tương xứng đối với từng bị cáo mới có tác dụng riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

Bị cáo H có ông ngoại là thương binh nên áp dụng thêm khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H.

- Xét thấy các bị cáo phạm tội mang tính chất vụ lợi nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Trong vụ án này còn có người phụ nữ, theo H khai nhận tên Q là người bán 03 viên ma túy cho H, nhưng không xác định được họ tên, địa chỉ, nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với Nguyễn D, là người đã hỏi mua 03 viên ma túy của Đ, do không có tiền, không mua được ma túy của Đ, nên không đề cập xử lý.

Đối với bà P- Giám đốc Công ty H là chủ sở hữu hợp pháp của xe ô tô BKS 22A-00000, đã ký hợp đồng lao động và giao xe ô tô cho Phạm Đ là nhân viên lái xe điều khiển xe, nhưng không biết việc Đ mua bán trái phép chất ma túy, nên không đề cập xử lý.

Đối với ông Nguyễn N là người giao cho ô tô cho Trần H lái xe thuê, nhưng không biết việc H mua bán trái phép chất ma túy, nên không đề cập xử lý.

[7] Về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo:

- Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) phong bì niêm phong, trên các mép dán có chữ ký của bị cáo Phạm Đ, chữ ký của giám định viên và 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang,

bên trong có 0,166g ma túy loại 2C-B (4-Bromo-2,5-dimethoxyphenethylamine) là số còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy;

Thu giữ của bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt sau màu đỏ đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0354174830; thu giữ của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0398XXXXX; đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước;

Tạm giữ của bị cáo H số tiền 1.200.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam là số tiền bị cáo Đ mua ma túy của bị cáo H, đây là số tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung ngân sách nhà nước (Hiện cơ quan điều tra đã gửi vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang).

Quá trình điều tra đã tạm giữ 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, BKS 22A-00000 đã qua sử dụng, ngày 02/7/2020 Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty M do bà P, trú tại tổ 04, phường T, thành phố T là Giám đốc làm đại diện.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1, Điều 251; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Đ, Trần H; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo H.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đ và Trần H phạm tội: Mua bán trái phép chất ma tuý.

- Xử phạt bị cáo Phạm Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 02/6/2020;

Phạt tiền 5.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trần H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 04/6/2020;

Phạt tiền 5.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) phong bì niêm phong, trên các mép dán có chữ ký của bị cáo Phạm Đ, chữ ký của giám định viên và 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có 0,166g ma túy loại 2C-B (4-Bromo-2,5-dimethoxyphenethylamine) là mẫu giám định hoàn lại.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt sau màu đỏ đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0354174830 của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0398070898 của bị cáo H và số tiền 1.200.000 đồng của bị cáo H (Hiện số tiền này đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang).

(Tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/9/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang).

3. Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc các bị cáo Phạm Đ và Trần H, mỗi người phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *VKSND thành phố TQuang;*
- *VKSND tỉnh TQuang;*
- *Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;*
- *Cơ quan THAHS TPTQuang;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Tquang;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang